

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh Thiết bị y tế trên toàn quốc.

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán gói thầu mua Thiết bị y tế của Trung tâm y tế huyện Ý Yên năm 2023. Trung tâm y tế huyện Ý Yên đề nghị quý Công ty báo giá các Thiết bị y tế có quy cách, hãng - nước sản xuất, đơn vị tính, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp theo danh mục (Có danh mục chi tiết kèm theo)

Báo giá bao gồm thông tin: Tên Thiết bị , model, hãng, nước sản xuất, năm sản xuất, cấu hình kỹ thuật, đơn vị tính, đơn giá (có VAT).

Đề nghị quý Công ty cung cấp gửi báo giá tới khoa Dược và trang thiết bị - Trung tâm y tế huyện Ý Yên trước ngày 21/09/2023.

Địa chỉ: Thị Trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, chủ đề thư nêu rõ “Báo giá Thiết bị y tế năm 2023 của Công ty....”.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Cổng thông tin điện tử Trung tâm
- Lưu VT, KD



Vũ Đức Bằng



DANH MỤC CHI TIẾT THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

(Kèm theo Thư mời báo giá số 409/TB – TTYT ngày 07/09/2023 của TTYT huyện Ý Yên)

ST T	Tên hàng hóa	Hãng, nước sản xuất	Mô tả đặc tính kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Máy sắc thuốc 24 bếp	Tiến Đạt/Việt Nam hoặc tương đương	Xem phụ lục đính kèm	Chiếc	4
2	Máy thận nhân tạo	Fresenius Medical Care AG & Co. KgaA/ Đức hoặc tương đương	Xem phụ lục đính kèm	Chiếc	3
3	Monitor theo dõi sản khoa 2 chức năng.	Advanced Instrumentations, Inc/ Mỹ hoặc tương đương	Xem phụ lục đính kèm	Chiếc	1



Phụ lục II. Thông số kỹ thuật

I	Máy sắc thuốc 24 bếp
1.1	Yêu cầu chung:
	- Thiết bị sản xuất năm 2023, máy mới 100%.
	- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
	- Nguồn điện: ~380V, 3 pha, 50 Hz
1.2	Yêu cầu cấu hình cung cấp:
	Máy chính: 01 máy
	Tủ điều khiển điện: 01 tủ
	Dây cáp nguồn: 01 chiếc
	Giỏ sắc thuốc + nắp bình sắc: 24 cái
	Cáp nối đất: 01 chiếc
	Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt: 01 bộ
1.3	Yêu cầu kỹ thuật
	Bình sắc có đường kính $\leq 11,4\text{cm}$ sâu 24 cm. Dung tích $\leq 1,9$ lít
	Số lượng bình sắc: ≤ 24 bình
	Công suất máy khi khởi động : ≤ 10 Kw
	Công suất máy khi duy trì sôi : $\leq 2-3$ Kw
	Áp suất làm việc: 0 Mpa
	Nhiệt độ làm việc: ≤ 95 đến ≤ 130 độ C;
	Áp suất / nhiệt độ duy trì: 0 Mpa / ≤ 100 độ C
	Thời gian sôi: 30 đến 35 phút
	Thời gian sắc: 2 đến 2,5 giờ
	Cài đặt thời gian sắc: 0 đến 99 giờ
	Nguồn tải nhiệt: Dầu đặc biệt
	Thiết bị an toàn cảm biến nhiệt độ cắt bớt công suất đun khi nước thuốc sôi để tránh trào thuốc
	Thiết bị an toàn cảm biến cắt toàn mạch điện khi quá nhiệt
1.4	Yêu cầu khác
	- Giao hàng, lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng tại nơi sử dụng.
	- Thời gian thực hiện hợp đồng ≤ 90 ngày (kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực)
	- Bảo hành ≥ 12 tháng
II	Máy thận nhân tạo
1	Yêu cầu chung
	- Thiết bị sản xuất năm 2023, máy mới 100%
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
	- Nguồn điện: Phù hợp với lưới điện Việt Nam 220VAC/50Hz
	- Điều kiện môi trường làm việc:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$
	Phân loại TTBYT: Loại C
	Phân nhóm TTBYT: Nhóm 1
2	Yêu cầu cấu hình cung cấp:
2.1	Máy chính



	Máy chính: 01 chiếc
	Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ (gắn sẵn)
	Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây
	Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây
	Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch môi: 01 cái
	Giá đỡ quả lọc: 01 cái
	Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây
	Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái
	Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc
	Sách Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
2.2	Thông số kỹ thuật
	Nước cung cấp
	Áp lực đầu vào: 1,5-6,0 bar.
	Nhiệt độ: từ 5°C – 30 °C
	Đầu ra tối đa cao: 1 m
	Nguồn cấp dịch trung tâm (nếu có)
	Áp lực cấp: Độ cao 1 m
	Môi trường hoạt động
	Nhiệt độ trong phòng: từ 15 °C – 30 °C.
	Áp suất khí quyển: 700 hPa – 1060 hPa.
	Độ ẩm: 30% - 75%; 95% trong thời gian ngắn, không ngưng tụ
	Bảo quản
	Nhiệt độ: -20°C đến +60°C với chất chống đông; 5°C đến +60°C không dùng chất chống đông.
	Khả năng chịu tải của giá treo dịch truyền
	Khả năng chịu tải tối đa: 5 kg
	Các tín hiệu ngõ ra
	Alarm in: chức năng gọi sự trợ giúp
	Alarm out: hiển thị trạng thái của máy
	KHÓI DÂY MÁU BÊN NGOÀI
	+ Bơm máu động mạch:
	Tốc độ bơm: 15 tới 600 ml/phút đối với dây máu đường kính cỡ Ø8mm
	Độ chính xác: ±10%
	Đường kính dây máu: 2 đến 10 mm
	+ Kiểm soát áp lực động mạch:
	Khoảng hiển thị: -300 mmHg tới + 280 mmHg
	Độ chính xác: ±10 mmHg
	+ Kiểm soát áp lực tĩnh mạch:
	Khoảng hiển thị: -60 mmHg tới + 520 mmHg
	Độ chính xác: ±10 mmHg
	+ Kiểm soát áp lực xuyên màng:
	Khoảng hiển thị: - 60 mmHg tới + 520 mmHg
	Bộ phát hiện khí tĩnh mạch:

Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm.
+ Bơm Heparin:
Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 đến 10ml/h
Bonus: tối đa 5 ml /lần.
Kích cỡ xy lanh: 20 ml.
+ Hệ thống thẩm phân kim đơn (tùy chọn)
Dùng 2 bơm máu, kiểm soát áp lực bên trong/ áp lực bằng lượng nhát hút thay đổi
Đòng dịch tối ưu (adapted flow) :
Lưu lượng dịch lọc (Qd) = Lưu lượng máu thực tế (Qb) x Hệ số AdaptedFlow (F)
Hệ số (F): từ 1.0 đến 2.0 với mức tăng dần 0.1
KHỐI THỦY LỰC
Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0-300-500-800 ml/min
Nhiệt độ dịch: 35°C đến 39 °C
Độ dẫn điện của dịch lọc: Khoảng hiển thị : 12.8-15.7 mS/cm (25°C)
Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm
+ Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate)
Tỉ lệ trộn dịch mặc định tối thiểu 1 + 34 (có thể thay đổi)
Khoảng thay đổi: 125 đến 150 mmol/l
+ Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc
Tỷ lệ trộn mặc định: tối thiểu 1 + 27,6 (có thể thay đổi).
Khoảng thay đổi: - 8 đến + 8 mmol/l bicarbonate
+ Dịch bicarbonate bột
Có thể phối hợp với Bibag 5008 (Bột Bicarbonate)
+ Hệ thống lọc dịch thẩm phân
Màng lọc dịch Diasafe Plus: Giúp dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc
Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: $\pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc
+ Siêu lọc
Tốc độ rút ký: khoảng từ 0 đến 41 giờ
Độ chính xác: $\pm 1 \%$.
Tương thích với hệ số UF của màng lọc: Không giới hạn
Các thông số hiển thị: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút , thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút)
+ Bộ phát hiện rò rỉ máu
Độ nhạy: 0,5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa: 800ml/phút
+ Đo độ thanh thải trực tuyến (OCM)
Độ chính xác của độ thanh thải K: $\pm 6 \%$
CÁC CHƯƠNG TRÌNH RỬA MÁU
Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ 37°C/600ml/phút
Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C/450ml/phút và tuần hoàn
Rửa hóa chất nóng nhiệt độ 84°C/450ml/phút và tuần hoàn
Rửa hóa chất nhiệt độ thường 37°C/600ml/ phút
Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau.
+ Rửa + nhiệt (tái tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 84°C/450ml/phút

	+ Tích hợp rửa + nhiệt: Nhiệt độ/lưu lượng: 84°C / 450ml/phút
	+ Hóa chất diệt trùng Sporotal (tái tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 37°C/600ml/phút
	+ Hóa chất diệt trùng Diasteril + Nhiệt (tái tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 84°C/450ml/phút
	+ Hóa chất diệt trùng Puristeril 340 (tái tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 37°C / 600ml/phút
	+ Có thể lựa chọn kết hợp nhiều chương trình với nhau
2.3	Bảo hành, bảo trì, thay thế linh kiện
	- Chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa theo suốt thời gian 02 năm
	- Chịu trách nhiệm bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế linh kiện của máy khi hỏng trong suốt thời gian bảo hành bảo trì.
	- Kỹ sư của hãng sẽ có mặt tại Trung tâm trong vòng 24 giờ để khắc phục sự cố (trừ ngày lễ)
	- Có đội ngũ kỹ sư được đào tạo chính hãng thực hiện công tác bảo hành, bảo trì.
	- Cam kết cung ứng vật tư thay thế thiết bị trong vòng 10 năm
III	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng
1	Yêu cầu chung:
	- Thiết bị sản xuất năm 2023, máy mới 100%
	- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 hoặc tương đương
	- Điện áp chính: 100 ~ 240V- 50/60Hz
2	Yêu cầu cấu hình cung cấp:
	Máy chính: 01 chiếc
	Dây nguồn: 01 cái
	Đầu dò tim thai FHR: 02 cái
	Đầu dò TOCO: 01 cái
	Nút bấm sự kiện: 01 cái
	Giấy in: 01 tập
	Đai: 03 cái
	Thiết bị đánh dấu: 01 chiếc
	Gel siêu âm: 01 chai
	Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ
3	Yêu cầu kỹ thuật:
	Đặc tính
	Màn hình màu LCD dạng sóng và số lớn
	Đầu dò FHR chống thấm nước
	Công nghệ dò tim thai (FHR) tiên tiến
	Chỉ dẫn đầu hiệu tim thai FHR giúp tối ưu hóa vị trí đầu dò
	Tích hợp máy in nhiệt
	Tốc độ in nhanh 15mm/giây cho lịch sử dữ liệu
	- Hiển thị
	+ Màn hình: 5.6 inches màn hình màu TFT-LCD
	+ Độ phân giải: RGB 640 x 480
	- Siêu âm:
	+ Kỹ thuật: Siêu âm doppler xung tự động đối chiếu
	+ Tần số lặp xung: 2KHz
	+ Tần số: 1.0 MHz ± 10%
	+ Dải đo tim thai FHR: 50-240 nhịp/ phút

	+ Độ phân giải: 1 nhịp/ phút
	+ Độ chính xác: ± 2 nhịp/ phút
	+ IOB: $<10 \text{ mW/cm}^2$
	- TOCO
	+ Dải: 0% ~ 100%
	+ Lỗi phi tuyến tính : $\pm 10\%$
	+ Độ phân giải : 1%
	+ Zero Mode: Tự động- Bằng tay
	- AFM
	+ Kỹ thuật: Siêu âm Doppler xung
	+ Dải: 0~100(%)
	+ Độ phân giải : 1%
	- Phương pháp đo chuyển động thai nhi: Đánh dấu từ xa
	- Bộ phận ghi:
	+ Giấy ghi: Z-fold, giấy in nhiệt 150/152mm
	+ Tốc độ ghi: 1/2/3 cm/phút, 15 mm/giây cho dữ liệu lịch sử
	+ Độ rộng in FHR: 70mm (tiêu chuẩn Mỹ), 80mm (tiêu chuẩn Quốc tế)
	+ Chia tỉ lệ FHR: 30bpm/cm (tiêu chuẩn Mỹ), 20bpm/cm (tiêu chuẩn Quốc tế)
	+ Độ rộng in TOCO: 40mm
	+ TOCO scaling: 25%/cm
4	Yêu cầu khác
	- Giao hàng, lắp đặt, chạy thử và hướng dẫn sử dụng tại nơi sử dụng.
	- Thời gian thực hiện hợp đồng ≤ 90 ngày (kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực)
	- Bảo hành ≥ 12 tháng

